



Điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu, số lượng người làm việc tương ứng với vị trí việc làm của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Quyết định số 1062 /QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018			Điều chỉnh, bổ sung, phân loại lại thành:				Ghi chú
Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu	Dự kiến biên chế và số lao động cần có (đến 2021)	Danh mục vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu/tương ứng	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm dự kiến đến năm 2026	
1. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		24	1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		25	25	
1.1. Giám đốc	Chuyên viên chính	01	1.1. Giám đốc	Chuyên viên chính	01	01	
1.2. Phó Giám đốc	Chuyên viên chính	03	1.2. Phó Giám đốc	Chuyên viên chính	03	03	
1.3. Trưởng phòng thuộc Đài	III	09	1.3. Trưởng phòng	Hạng III	09	09	
1.4. Phó Trưởng phòng thuộc Đài	III	11	1.4. Phó Trưởng phòng	Hạng III	12	12	Tăng 01 người phù hợp với cơ cấu tổ chức được bố trí không quá 13 Phó Trưởng phòng

Được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018			Điều chỉnh, bổ sung, phân loại lại thành:				Ghi chú
Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu	Dự kiến biên chế và số lao động cần có (đến 2021)	Danh mục vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu/tương ứng	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm dự kiến đến năm 2026	
2. Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp		61	2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành		60	55	
2.1. Phóng viên	Hạng III	23	2.1. Phóng viên hạng III	Hạng III	24	24	Tiếp nhận từ vị trí đọc tin, bài; dẫn chương trình phát thanh, truyền hình
2.2. Quay phim	Hạng IV	01	2.2. Quay phim viên hạng IV	Hạng IV	01	01	
2.3. Đạo diễn	Hạng IV	01	Bãi bỏ vị trí việc làm, do không có vị trí việc làm theo Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông				
			2.3. Đạo diễn truyền hình hạng III	Hạng III		Kiểm nhiệm	
2.4. Đọc tin, bài; dẫn chương trình phát thanh, truyền hình	Hạng IV	05	2.4. Phát thanh viên hạng IV	Hạng IV	06	04	- Chuyển 01 người làm việc sang vị trí việc làm Phóng viên để bổ sung nhân lực đội ngũ phóng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. - Bổ sung 02 người làm việc từ vị trí Đạo diễn; vị trí Xây dựng kịch bản và tổ chức sản xuất chương trình văn nghệ, giải trí. - Thực hiện tinh giản 02 biên chế đến năm 2026

Được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018			Điều chỉnh, bổ sung, phân loại lại thành:				Ghi chú
Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu	Dự kiến biên chế và số lao động cần có (đến 2021)	Danh mục vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu/tương ứng	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm dự kiến đến năm 2026	
2.5. Kỹ sư	Hạng III	14	2.5. Kỹ sư (hạng III)	Hạng III	10	09	- Tiếp nhận 04 từ vị trí Kỹ thuật phát thanh, truyền hình; chuyển 01 sang vị trí Phó trưởng phòng, chuyển 07 sang vị trí Công nghệ thông tin hạng III. - Thực hiện tinh giản 01 biên chế.
				<i>Hạng III</i>	08	08	Tiếp nhận 01 người từ vị trí Dịch vụ quảng cáo; 07 người từ vị trí kỹ sư hạng III.
2.6. Dịch vụ và quảng cáo	Hạng IV	01	<i>Bãi bỏ vị trí việc làm, do không có vị trí việc làm theo Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông</i>				
2.7. Kỹ thuật phát thanh, truyền hình	Hạng IV	14	2.7. Kỹ thuật viên (hạng IV)	Hạng IV	07	05	- Thực hiện tinh giản 02 biên chế đến 2026. - Chuyển 04 người làm việc sang vị trí Kỹ sư hạng III. - Chuyển 01 người làm việc sang vị trí Công nghệ thông tin hạng IV

Được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018			Điều chỉnh, bổ sung, phân loại lại thành:				Ghi chú
Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu	Dự kiến biên chế và số lao động cần có (đến 2021)	Danh mục vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu/tương ứng	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm dự kiến đến năm 2026	
							- Chuyển 02 người sang vị trí Kỹ thuật dựng phim hạng IV
			2.8. Công nghệ thông tin hạng IV	Hạng IV	01	01	
			2.9. Kỹ thuật dựng phim hạng IV	Hạng IV	02	02	
2.8. Nhạc công	Hạng IV	01	Bãi bỏ vị trí việc làm, do không có vị trí việc làm theo Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông				
			2.10. Âm thanh viên hạng IV	Hạng IV	01	01	
2.9 Xây dựng kịch bản và tổ chức sản xuất chương trình văn nghệ, giải trí	Hạng IV	01	Bãi bỏ vị trí việc làm, do không có vị trí việc làm theo Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông				
3. Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ		06	3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		04	04	
3.1. Tổ chức nhân sự	Hạng III	01	Bãi bỏ vị trí việc làm cho phù hợp với Thông tư của Bộ Nội vụ				
			3.1. Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Hạng III	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	

Được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018			Điều chỉnh, bổ sung, phân loại lại thành:				Ghi chú
Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu	Dự kiến biên chế và số lao động cần có (đến 2021)	Danh mục vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu/tương ứng	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm dự kiến đến năm 2026	
			3.2. Chuyên viên quản lý nhân sự	Hạng III	Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	
3.2. Hành chính, tổng hợp		Kiểm nhiệm	Bãi bỏ vị trí việc làm cho phù hợp với Thông tư của Bộ Nội vụ				
			3.3. Chuyên viên tổng hợp	Hạng III	01	01	
3.3. Kế toán	Hạng IV	02	3.4. Kế toán trưởng	Hạng III	01	01	
			3.5. Kế toán viên	Hạng III	01	01	
3.4. Lưu trữ	Hạng IV	01	3.6. Lưu trữ viên hạng III	Hạng III	01	01	
3.5. Văn thư		Kiểm nhiệm	3.7. Văn thư viên		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	
			3.8. Nhân viên Thủ quỹ		Kiểm nhiệm	Kiểm nhiệm	

Được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018			Điều chỉnh, bổ sung, phân loại lại thành:				Ghi chú
Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu	Dự kiến biên chế và số lao động cần có (đến 2021)	Danh mục vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề tối thiểu/tương ứng	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm	Biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động tương ứng vị trí việc làm dự kiến đến năm 2026	
			4. Vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ		02	02	
3.6. Thủ quỹ		Kiểm nhiệm	Chuyển sang nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung				
3.7. Lái xe (Hợp đồng theo Nghị định 68-CP)		02	4.1. Nhân viên lái xe		02 (HĐ, NĐ111)	02 (HĐ, NĐ111)	
3.8 Bảo vệ		Thuê	4.3. Nhân viên bảo vệ		Thuê	Thuê	
3.9 Tạp vụ		Thuê	4.2. Nhân viên phục vụ		Thuê	Thuê	
Tổng cộng		91	Tổng cộng		91	86	